

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HẢI
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2018
(V/v Tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lưu Hải Đăng**

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Hoàng Toàn

2/. Bà Đỗ Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: **Bà Thạch Thị Ngọc Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Thai**, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2018/TLST-HN ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp 2, thị trấn GH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Anh Phan T, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp 2, thị trấn GH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị B có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B và anh Phan T thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: vợ chồng anh chị chung sống với nhau vào khoảng năm 2003. Sau đó anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn GH và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị B xác định: thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, nhưng sau khi cưới nhau được khoảng vài năm thì vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Lý do chính là do anh T thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm lo lắng chăm sóc cho cuộc sống gia đình, chị đã nhiều lần khuyên chồng, nhưng anh T vẫn không thay đổi, vợ chồng anh chị thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng anh chị ly thân từ tháng 03 năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được nên chị B yêu cầu xin được ly hôn với chồng chị là anh T.

Nguyên nhân ly hôn theo anh Phan T xác định: vợ chồng có một số mâu thuẫn, có cự cãi với nhau, anh có dùng tay bóp cổ vợ anh, nhưng sau đó anh đã nhận lỗi, đã xin lỗi vợ, nhưng vợ anh không tha thứ. Hai vợ chồng anh chị đã ly thân khoảng 01 năm qua. Nay vợ anh yêu cầu ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: chị B và anh T xác định thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 01 người con chung tên Phan Thị Việt T, sinh ngày 30/12/2005, hiện nay đang sống với chị B.

Khi ly hôn chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh T xác định anh tôn trọng nguyện vọng của con, còn việc cấp dưỡng nuôi con thì anh không đồng ý.

Về tài sản chung: chị B và anh T xác định vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: chị B và anh T xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị. Khi ly hôn chị B và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị B xác định chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T. Chị B xác định chị không còn các tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh T chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: giữa chị B và anh T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, hiện tại chị B xác định chị không còn tình cảm với anh T. Điều này chứng tỏ như vậy cuộc sống vợ chồng của chị B và anh T nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử

căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị B được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật;

Về con chung: Từ lúc vợ chồng chị B và anh T ly thân với nhau thì người con tên Phan Thị Việt T, sinh ngày 30/12/2005 là do chị B trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị B vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao người con tên Phan Thị Việt T, sinh ngày 30/12/2005 cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Về mức cấp dưỡng đề nghị buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 650.000đ, thời gian cấp dưỡng đến khi con của chị B và anh T tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn chị B và anh T không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì chị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị B có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh T. Anh T có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về nội dung vụ án: giữa chị B và anh T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân thị trấn GH cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 02/10/2003 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh T thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau T bộ. Nhưng thời gian chung sống chị B và anh T lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Anh chị cũng đã ly thân khoảng hơn 01 năm qua. Trong thời gian qua cả hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tại phiên tòa chị B vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T, chị xác định hiện tại chị không

còn tình cảm gì với anh T, nếu vợ chồng quay về với nhau thì cuộc sống chung cũng không còn hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của vợ chồng phải được xuất phát từ hai phía, nhưng phía chị B xác định hiện tại chị đã không còn tình cảm gì với anh T, như vậy chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị B và anh T là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh T là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Từ lúc vợ chồng chị B và anh T ly thân với nhau thì người con tên Phan Thị Việt T, sinh ngày 30/12/2005 là do chị B trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị B vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Hơn nữa, cháu Phan Thị Việt T cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với chị B khi chị B và anh T ly hôn với nhau. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao người con tên Phan Thị Việt Thùy, sinh ngày 30/12/2005 cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Nếu sau này anh T chứng minh được chị B nuôi con, nhưng không lo lắng chăm sóc tốt cho cuộc sống của con thì anh có quyền nộp đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị B và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B; Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Phan T.

2/. Về nuôi con chung: Giao người con Phan Thị Việt T, sinh ngày 30/12/2005 cho chị Nguyễn Thị B được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Anh Phan T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Buộc anh Phan T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Thị Việt T, sinh ngày 30/12/2005 mỗi tháng 650.000đ (sáu trăm năm mươi ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/5/2018) cho đến khi cháu Phan Thị Việt T, sinh ngày 30/12/2005 tròn 18 tuổi.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006898 ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án phí cấp dưỡng nuôi con buộc anh Phan T phải chịu là 300.000đ.

5/. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Nguyễn Thị B biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Anh Phan T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện DH
- THA huyện DH
- Ủy ban nhân dân thị trấn GH
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Lưu Hải Đăng